TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-10-2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đương

2. Ông Lê Văn Được

- Thư ký phiên tòa: Ông Quãng Thanh Trung, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 28/9/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1970 (có mặt)
Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Cao Ngọc A, sinh năm 1967 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C Người đại diện theo quy định pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng C. Ông Dương Quyết T ủy quyền cho ông Trương Quang V, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C, tỉnh Trà Vinh, làm người đại diện, theo quyết định ủy quyền số: 4716/QĐ-NHCS, ngày 25/11/2016. Vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2018, các lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Nguyễn Hoàng M trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013 anh và chị Cao Ngọc A chung sống với nhau đến năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện C. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình, cụ thể về các khoản tiền chị A cất giữ nhưng chi tiêu không rõ ràng, làm mất lòng tin nên vợ chồng nhiều lần cải vả mà không hòa giải được, sau đó chị A về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2015 đến nay. Trong thời gian sống riêng anh M nhiều lần tìm cách hàn gắn lại nhưng không có kết quả, mâu thuẫn kéo dài làm tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, do đó anh M yêu cầu ly hôn với chị Cao Ngọc A.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa anh M và chị A không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống giữa anh M và chị A có tạo lập ra tài sản chung nhưng anh M không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về số nợ phải trả: Giữa anh M và chị A có nợ Ngân hàng C tại Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C số tiền 40.000.000 đồng, hiện anh M đã trả số tiền nợ xong nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có tranh chấp gì khác.

Phía bị đơn Cao Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa: Không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C vắng mặt tại phiên tòa: Không có lời trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đều tống đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự; tuy nhiên xét thấy việc chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa đúng.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Hoàng M, cho anh Nguyễn Hoàng M được ly hôn với chị Cao Ngọc A. Về tài sản chung của anh M và chị A thì chị A có nại ra nhưng chị A không làm đơn phản tố và không nộp tiền tạm ứng án phí để đảm bảo yêu cầu của mình là chưa đúng trình tự thủ tục quy định và anh M không đặt ra yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về phần nợ chung do Ngân hàng C có văn bản không yêu cầu giải quyết và có xác nhận trả nợ xong nên đề nghị không xem xét. Về án phí hôn nhân sơ thẩm đề nghị buộc anh M phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Cao Ngọc A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố ý vắng mặt và Ngân hàng C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có nộp đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị A và Ngân hàng C.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của anh Nguyễn Hoàng M khởi kiện xin ly hôn với chị Cao Ngọc A nên xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy giữa anh Nguyễn Hoàng M và chị Cao Ngọc A chung sống có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của anh M và chị A là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa anh M và chị A luôn bất đồng quan điểm, anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay. Anh M xác định tình cảm vợ chồng không hàn gắn được; chị A thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chị còn thương anh M nên yêu cầu hàn gắn lại, không đồng ý ly hôn. Xét thấy, sau khi anh M và chị A không còn chung sống với nhau đến nay thì mỗi người có cuộc sống riêng, không bên nào tìm cách hòa giải để hàn gắn lại và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; phía Tòa án đã nhiều lần hòa giải, động viên đoàn tụ nhưng không thành. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh M và chị A ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hoàng M.

- Về con chung: Xét thấy trong quá trình chung sống giữa anh M và chị A không có con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Giữa anh M và chị A đều thừa nhận quá trình sống chung có tạo lập ra tài sản chung nhưng anh M không yêu cầu giải quyết; đối với chị A có trình bày trong biên bản hòa giải ngày 26/7/2018, chị yêu cầu giải quyết nhưng xét thấy yêu cầu của chị A phải đảm bảo thủ tục về mặt hình thức. Do đó Tòa án có ấn định thời hạn để chị A nộp đơn khởi kiện về chia tài sản chung nhưng chị A không nộp đầy đủ thủ tục cho Tòa án theo quy định nên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở xem xét chia tài sản chung của anh M và chị A trong vụ kiện này.

- Về số nợ phải thu: Là không có.

- Về số nợ phải trả: Quá trình giải quyết thì anh M và chị A trình bày có nợ tại Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C số tiền 40.000.000 đồng, anh M, chị A yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên đại diện Ngân hàng C tại Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C có văn bản không khởi kiện và vào ngày 17/10/2018 Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C có văn bản xác nhận số tiền nợ của anh M và chị A đã được trả xong nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Hoàng M phải nộp 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 05 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng M.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho Nguyễn Hoàng M được ly hôn với chị Cao Ngọc A.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Hoàng M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0017203 ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Anh M đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Kim Thoa